

Số: 20/2026/NQ-HĐND

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung chi, mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và một số chế độ, chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026 - 2031

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục Thể thao số 77/2006/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số 2642/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 171/BC-BVHXXH ngày 04 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hoá – Xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và một số chế độ, chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2026 - 2031.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh và một số chế độ, chính sách đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh, bao gồm:

- Đại hội thể dục thể thao;
- Giải thi đấu thể thao, trận thi đấu thể thao;
- Hội thi thể thao cấp tỉnh;
- Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật.

2. Huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Quảng Ninh tham gia đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh; Huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Quảng Ninh tham gia đội tuyển quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia, đội tuyển thể thao người khuyết tật quốc gia theo quyết định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

3. Đoàn thể thao, đội tuyển thể thao, vận động viên đạt thành tích tại đại hội thể dục thể thao, giải thi đấu thể thao cấp tỉnh; Huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Quảng Ninh đạt thành tích tại các đại hội thể thao, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia và quốc tế.

Chương II

NỘI DUNG CHI, MỨC CHI VÀ MỘT SỐ CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ

Điều 3. Nội dung chi, mức chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu thể thao cấp tỉnh quy định tại khoản 1, Điều 2 Nghị quyết này

a) Đối tượng và mức chi:

- Trưởng ban, phó trưởng ban, thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng các tiểu ban chuyên môn và phó trưởng các tiểu ban chuyên môn được hưởng mức chi 190.000 đồng/người/ngày;

- Thành viên các Tiểu ban chuyên môn được hưởng mức chi 160.000 đồng/người/ngày;

- Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá) được hưởng mức chi 190.000 đồng/người/buổi;

- Thư ký, trọng tài khác (không bao gồm môn bóng đá) được hưởng mức chi 140.000 đồng/người/buổi;

- Công an, y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ được hưởng mức chi 80.000 đồng/người/buổi;

- Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ tại Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao cấp tỉnh được hưởng mức chi như sau: người tham gia tập luyện được hưởng mức chi 60.000 đồng/người/buổi; người tham gia tổng duyệt (*không quá 02 buổi*) được hưởng mức chi 100.000 đồng/người/buổi; người tham gia chính thức được hưởng mức chi 160.000 đồng/người/buổi; giáo viên quản lý, hướng dẫn được hưởng mức chi 140.000 đồng/người/buổi;

- Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên làm nhiệm vụ tại giải bóng đá cấp tỉnh được hưởng mức chi như sau: trọng tài chính được hưởng mức chi 320.000 đồng/người/buổi; trợ lý trọng tài, giám sát được hưởng mức chi 220.000 đồng/người/buổi; điều phối viên được hưởng mức chi 160.000 đồng/người/buổi.

b) Nguyên tắc chi: Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này thì chỉ được hưởng một mức chi cao nhất.

2. Chi tiền ăn, tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại

a) Tiền ăn (*thanh toán tối đa không quá 02 ngày trước thi đấu, 01 ngày sau thi đấu*), tiền thuê phòng nghỉ và tiền đi lại trong quá trình tổ chức giải cho các thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức, các Tiểu ban chuyên môn, trọng tài, giám sát, thư ký, trợ lý trọng tài, điều phối viên môn bóng đá: Mức chi thực hiện theo Nghị quyết số 62/2025/NQ-HĐND ngày 17/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức hội được ngân sách nhà nước hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Ninh và các quy định pháp luật có liên quan.

b) Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao sẽ không được thanh toán phụ cấp tiền lưu trú công tác phí theo quy định tại Điều này trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao.

3. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (*đối với Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao*): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

Điều 4. Mức thưởng đối với đoàn thể thao, đội tuyển thể thao và vận động viên đạt thành tích tại các giải thể thao cấp tỉnh

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Giải cá nhân			
-	Đại hội Thể thao, Giải vô địch các môn	3.000.000	2.000.000	1.000.000
-	Giải thể thao các nhóm tuổi, giải trẻ	1.500.000	1.000.000	600.000
2	Giải đồng đội, tiếp sức, đôi			
-	Đại hội Thể thao, Giải vô địch các môn	6.000.000	3.000.000	2.000.000
-	Giải thể thao các nhóm tuổi, giải trẻ	3.000.000	2.000.000	1.000.000
3	Giải toàn đoàn			
-	Đại hội Thể thao, Giải vô địch các môn	4.000.000	3.000.000	2.000.000
-	Giải thể thao các nhóm tuổi, giải trẻ	3.000.000	2.000.000	1.500.000
4	Giải các môn tập thể			
	Đại hội Thể thao, Giải vô địch các môn	30.000.000	15.000.000	10.000.000
	Giải thể thao các nhóm tuổi, giải trẻ	15.000.000	10.000.000	6.000.000

Điều 5. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển tỉnh, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu được thành lập theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh đạt thành tích tại đại hội thể thao, các giải thể thao quốc gia

1. Mức thưởng:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Đại hội Thể thao toàn quốc	50.000.000	30.000.000	25.000.000
2	Giải vô địch quốc gia từng môn	20.000.000	15.000.000	10.000.000
3	Giải vận động viên xuất sắc quốc gia; giải hạng nhất và đấu thủ mạnh quốc gia	15.000.000	10.000.000	8.000.000
4	Giải vô địch trẻ quốc gia, giải thể thao người khuyết tật toàn quốc	10.000.000	7.000.000	5.000.000
5	Giải Cúp quốc gia; giải các câu lạc bộ quốc gia	5.000.000	4.000.000	3.000.000
6	Giải các nhóm tuổi quốc gia; giải thể thao phong trào toàn quốc	4.000.000	2.500.000	2.000.000

2. Nguyên tắc thưởng:

a) Đối với môn thể thao tập thể, số lượng huấn luyện viên, vận động viên được thưởng theo Điều lệ giải; tổng mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với mức thưởng của thành tích đạt được;

b) Đối với môn thi đấu đồng đội (*thành tích cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi đấu*), số lượng huấn luyện viên, vận động viên được thưởng thực hiện theo Điều lệ giải; mức thưởng được xác định bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng của thành tích đạt được;

c) Đối với môn thi đấu cá nhân, huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên đạt nhiều thành tích được hưởng mức thưởng tương ứng với từng thành tích mà vận động viên đạt được;

d) Vận động viên đạt nhiều thành tích trong cùng một giải thi đấu, bao gồm thành tích cá nhân và thành tích đồng đội, thì được hưởng đầy đủ mức thưởng tương ứng với từng thành tích đạt được theo quy định.

Điều 6. Mức thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Quảng Ninh đạt thành tích tại đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế

Ngoài mức thưởng quy định tại Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP, huấn luyện viên, vận động viên của tỉnh Quảng Ninh đạt thành tích xuất sắc tại các đại hội, giải thi đấu thể thao quốc tế được hưởng mức thưởng bằng 100% mức thưởng quy định tại các điều này.

Điều 7. Chế độ đãi ngộ đặc thù dành cho vận động viên tỉnh Quảng Ninh đạt thành tích xuất sắc tại các đại hội thể thao, giải thi đấu quốc tế, đại hội thể thao toàn quốc

1. Vận động viên đạt thành tích xuất sắc được hưởng chế độ hàng tháng theo mức:

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

TT	Giải thi đấu	Mức chi		
		Huy chương Vàng	Huy chương Bạc	Huy chương Đồng
1	Đại hội thể thao trẻ thế giới (Olympic trẻ)	25.000.000	15.000.000	12.000.000
2	Đại hội thể thao châu Á (ASIAD)		20.000.000	13.000.000
3	Đại hội thể thao Đông Nam Á (SEA Games)	12.000.000	8.500.000	
4	Đại hội Thể thao toàn quốc	10.000.000		
5	Giải vô địch thế giới từng môn	20.000.000	15.000.000	
6	Giải vô địch châu Á từng môn	15.000.000	12.000.000	

2. Nguyên tắc hưởng:

a) Vận động viên sau khi đạt thành tích quy định tại khoản 1 Điều này, tiếp tục tập luyện, thi đấu cho tỉnh Quảng Ninh; chấp hành nghiêm các quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và quy chế, quy định của cơ quan quản lý; phải có văn bản cam kết tiếp tục tham gia tập luyện, tập huấn và thi đấu cho tỉnh Quảng Ninh trong thời gian tối thiểu 04 năm;

b) Trường hợp vận động viên đồng thời đủ điều kiện hưởng từ hai chế độ trở lên quy định tại khoản 1 Điều này thì chỉ được hưởng một chế độ có mức hỗ trợ cao nhất;

c) Vận động viên hoàn thành nhiệm vụ thi đấu thể thao thành tích cao theo xác nhận của cơ quan quản lý trực tiếp và tiếp tục công tác tại cơ quan, đơn vị thuộc ngành thể dục thể thao tỉnh Quảng Ninh;

d) Vận động viên nghỉ tập luyện, thi đấu do bị chấn thương phát sinh trong quá trình tập luyện, thi đấu và có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền theo quy định.

3. Thời gian hưởng: Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này được hưởng chế độ kể từ thời điểm đạt thành tích đến hết tháng trước thời điểm tổ chức kỳ đại hội hoặc giải thi đấu cùng loại tiếp theo.

4. Trong thời gian thực hiện cam kết, vận động viên tự ý ký hợp đồng đào tạo, tập luyện hoặc thi đấu với đơn vị, địa phương khác; tự ý chấm dứt hoặc từ chối thực hiện nhiệm vụ tập luyện, tập huấn hoặc thi đấu theo sự phân công của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp; vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết thì chấm dứt việc hưởng chế độ kể từ thời điểm vi phạm và có trách nhiệm hoàn trả 100% kinh phí hỗ trợ đã nhận.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Quảng Ninh là thành viên đội tuyển thể thao quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia, đội tuyển thể thao người khuyết tật quốc gia

1. Ngoài các chế độ theo quy định, huấn luyện viên, vận động viên tỉnh Quảng Ninh là thành viên đội tuyển thể thao quốc gia, đội tuyển trẻ quốc gia, đội tuyển thể thao người khuyết tật quốc gia được hỗ trợ tiền công trong thời gian tập trung theo quyết định triệu tập của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

2. Mức hỗ trợ:

a) Thành viên đội tuyển quốc gia: 8.000.000 đồng/người/tháng;

b) Thành viên đội tuyển trẻ quốc gia, đội tuyển thể thao người khuyết tật quốc gia: 6.000.000 đồng/người/tháng.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách cấp tỉnh và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 19 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2031.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 60/2012/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với vận động viên, huấn luyện viên thể thao thành tích cao và chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao; Nghị quyết số 312/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với huấn luyện viên, vận động viên, nghệ nhân và Đội bóng chuyên nữ hạng đội mạnh Quốc gia tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 92/2025/NQ-HĐND ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc tiếp tục thực hiện một số chính sách hỗ trợ, ưu đãi quy định tại Nghị quyết số 312/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với huấn luyện viên, vận động viên, nghệ nhân và Đội bóng chuyên nữ hạng đội mạnh Quốc gia tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, đúng đối tượng. Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Tài chính, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm toàn diện trong việc rà soát, tổ chức thực hiện; kiểm soát rủi ro chính sách, bảo đảm quản lý chặt chẽ, tuyệt đối không để xảy ra vi phạm trực lợi,

thất thoát ngân sách nhà nước; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm đối với các vi phạm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

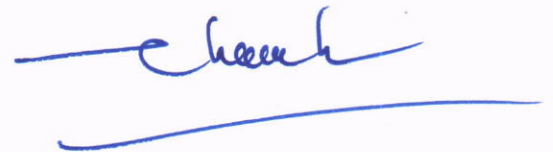
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền, tạo sự đồng thuận của Nhân dân và giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh khóa XV, Kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./y/

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (báo cáo);
- Các bộ: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Tư pháp (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQ, các tổ chức CTXH tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp xã;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ4.

CHỦ TỊCH



Trịnh Thị Minh Thanh